

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2423**/SYT-TTKN
V/v điều chỉnh số lượng thuốc phân bổ
(đợt 38)

Hải Phòng, ngày 11 tháng 9 năm 2019

Kính gửi: Các đơn vị khám, chữa bệnh

Sở Y tế ban hành các Quyết định: Số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 1355/QĐ-SYT ngày 27/11/2017 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 245/QĐ-SYT ngày 12/02/2018 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đợt 2 Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 334/QĐ-SYT ngày 15/3/2018 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đợt 3 Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 427/QĐ-SYT ngày 02/4/2018 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu (gồm 246 lô thuốc) thuộc Dự án: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2397/QĐ-SYT ngày 02/11/2018 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 697 vị thuốc) thuộc dự án: Mua sắm vị thuốc cổ truyền cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 189/QĐ-SYT ngày 13/02/2019 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Sở Y tế ban hành các Công văn: Số 2459/SYT-NVD ngày 22/11/2017 về việc phân bổ số lượng thuốc theo tên Generic trúng thầu năm 2017 – 2019; số 2562/SYT-NVD ngày 05/12/2017 về việc phân bổ số lượng thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị trúng thầu năm 2017 – 2019; số 396/SYT-NVD ngày 06/3/2018 về việc phân bổ số lượng thuốc theo tên Generic trúng thầu năm 2017 – 2019 (đợt 2); số 729/SYT-NVD ngày 05/4/2018 về việc phân bổ số lượng thuốc theo tên Generic trúng thầu năm 2017-2019 (đợt 3); số 703/SYT-NVD ngày 03/4/2018 về việc phân bổ số lượng thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu trúng thầu năm 2017-2019; số 2710/SYT-TTKN ngày 05/11/2018 về việc phân bổ số lượng thuốc trúng thầu Gói

thầu mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 697 vị thuốc); số 322/SYT-TTKN ngày 19/02/2019 về việc phân bổ số lượng thuốc trúng thầu Gói thầu mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc); số 36a/SYT-NVD ngày 09/01/2018; số 542/SYT-NVD ngày 20/3/2018; số 789/SYT-NVD ngày 11/4/2018; số 918/SYT-NVD ngày 20/4/2018; số 1093/SYT-TTKN ngày 14/5/2018; số 1184/SYT-TTKN ngày 21/5/2018; số 1292/SYT-TTKN ngày 31/5/2018; số 1390/SYT-TTKN ngày 12/6/2018; số 1524/SYT-TTKN ngày 22/6/2018; số 1722/SYT-TTKN ngày 11/7/2018; số 1825/SYT-TTKN ngày 23/7/2018; số 1994/SYT-TTKN ngày 09/8/2018; số 2165/SYT-TTKN ngày 30/8/2018; số 2259/SYT-TTKN ngày 12/9/2018; số 2448/SYT-TTKN ngày 05/10/2018; số 2482/SYT-TTKN ngày 10/10/2018; số 2628/SYT-TTKN ngày 24/10/2018; số 2691/SYT-TTKN ngày 02/11/2018; số 2841/SYT-TTKN ngày 16/11/2018; số 2999/SYT-TTKN ngày 03/12/2018; số 3156/SYT-TTKN ngày 21/12/2018; số 70/SYT-TTKN ngày 08/01/2019; số 166/SYT-TTKN ngày 21/01/2019; số 249/SYT-TTKN ngày 11/02/2019; số 674/SYT-TTKN ngày 25/03/2019; số 732/SYT-TTKN ngày 28/3/2019; số 849/SYT-TTKN ngày 09/4/2019; số 947/SYT-TTKN ngày 22/4/2019; số 1037/SYT-TTKN ngày 04/5/2019; số 1161/SYT-TTKN ngày 13/5/2019; số 1365/SYT-TTKN ngày 31/5/2019; số 1574/SYT-TTKN ngày 18/6/2019; số 1794/SYT-TTKN ngày 09/7/2019; số 1921/SYT-TTKN ngày 22/7/2019; số 2081/SYT-TTKN ngày 07/8/2019; số 2226/SYT-TTKN ngày 21/8/2019; số 2268/SYT-TTKN ngày 26/8/2019 về việc điều chỉnh số lượng thuốc phân bổ từ đợt 1 đến đợt 37.

Trong quá trình thực hiện, Sở Y tế nhận được đề nghị của các đơn vị về việc xin điều chỉnh số lượng thuốc đã được phân bổ. Sau khi xem xét, Sở Y tế điều chỉnh số lượng đã được phân bổ của các đơn vị theo đề nghị (*danh mục chi tiết đính kèm*).

Các đơn vị căn cứ danh mục điều chỉnh số lượng thuốc đã được phân bổ để tiến hành mua thuốc và thanh toán với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Sở Y tế thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./. *vt*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- GD SYT (để báo cáo);
- PGD Nguyễn Tiến Sơn;
- BHXH TP, Kho bạc NNHP (để phối hợp);
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế Hải Phòng;
- Lưu: VT, NVD, TTKN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tiến Sơn

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)
Thuốc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng
 (Kèm theo Công văn số **2423** /SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện Thủy Nguyên

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyên số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0003	Bupivacaine WPW Spinal 0,5% Heavy	Bupivacain hydroclorid	5mg/ml - 4ml	Hộp 1 vi x 5 ống, dung dịch tiêm	24	VN-13843-11	Warsaw - Ba Lan	Lọ/Ống	1	37.600,00	HP037	1.500		250	Việt Tiếp	1.750
2	G0550	CKDCeftizoxime inj.1g	Ceftizoxim	1g	Hộp 10 lọ 1g bột pha tiêm, Tiêm	24 tháng	VN-19574-16	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.- Korea	Lọ	2	39.000,00	HP069	110.000		24.000	Phụ Sản	134.000
3	G1490	Domever 25mg	Spironolacton	25mg	Hộp 2 vi, 10 vi x 10 VNE, Viên nén, Uống	36 tháng	VD-24987-16	DOMESCO - Việt Nam	Viên	3	825,00	HP074	242.000		7.000	ĐHY	249.000
4	G1573	Tanganil 500mg	Acetyl leucin	500mg/5 ml	Hộp 5 ống x 5ml, Dung dịch tiêm tĩnh mạch, Tiêm tĩnh mạch	60 tháng	VN-18066-14	Pierre Fabre Medicament production - Pháp	Ống	1	13.698,00	HP122	0		1.500	Hồng Bàng	1.500
5	G1574	Atileucine inj	Acetyl leucine	500mg/ 5ml	Tiêm, Dung dịch tiêm. Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống.	24 tháng	VD-25645-16	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Ống	3	11.500,00	HP052	0		500	Hồng Bàng	500
6	G1981	Hemotocin	Carbetocin	100 mcg/ml	Hộp 10 lọ x 1ml, Dung dịch. Tiêm	24	VD-26774-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	346.000,00	HP017	265		40	Kiến An	305

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0031	Midanium 5mg/1ml	Midazolam	5mg/ml	Hộp 2 vỉ x 5 ống, dung dịch tiêm, tiêm	36	VN-13844-11	Warsaw - Ba Lan	Ống	1	17.325,00	HP037	300		100	Kiến An	400
2	G1707	Liverton 140	Silymarin	140mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng - Uống	36 tháng	VD-15890-11	CTCP Pymepharco - Việt Nam	Viên	3	1.680,00	HP057	780.000	25.000		An Lão	755.000
3	G1709	Fynkhepar Tablets	Silymarin	200mg	Hộp 10 vỉ*10 viên, Viên nén bao phim/ Uống	36 tháng	VN-7559-09	M/s FYNK Pharmaceutic als, Pakistan	Viên	5	3.800,00	HP059	600.000	15.000		An Lão	585.000
4	G2000	Seduxen 5mg	Diazepam	5mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nén, uống	60	VN-19162-15	Gedeon Richter - Hungary	Viên	1	607,00	HP037	30.000	420		Đồ Sơn	29.580

2/8

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Kiến Thụy

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyên số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1414	Piracetam	Piracetam	400mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang, uống	36 tháng	VD-16393-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	200,00	HP022	100.000	13.000		Trẻ Em	87.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **M** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Phụ Sản

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0550	CKDCeftizoxime inj. 1g	Ceftizoxim	1g	Hộp 10 lọ 1g bột pha tiêm, Tiêm	24 tháng	VN-19574-16	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.- Korea	Lọ	2	39.000,00	HP069	26.000	24.000		Thủy Nguyên	2.000
2	G1028	Vinphyton	Phytomenadion (vitamin K1)	1mg/1ml	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml dung dịch tiêm	24 tháng	VD-16307-12	Vinphaco-Việt Nam	Ống	3	1.450,00	HP145	9.000		300	Việt Tiệp	9.300
3	G1244	Lactate Ringer	Ringer lactat	500ml	Thùng 20 chai nhựa 500ml, Dung dịch, Tiêm truyền	36 tháng	VD-16087-11	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar - Việt Nam	Chai	3	12.492,00	HP055	7.000		700	Việt Tiệp	7.700
4	G2178	Glucose 5%	Glucose	5% - 500ml	Thùng 20 chai nhựa 500ml, Dung dịch, Tiêm truyền	36 tháng	VD-16339-12	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar - Việt Nam	Chai	3	10.500,00	HP055	25.000		3.000	Việt Tiệp	28.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Viện Y học Hải Quân

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0260	Dimedrol	Diphenhydramin HCL	10mg/ml	Hộp 100 ống x 1ml; Dung dịch thuốc tiêm	24	VD-20839-14	Dopharma - Việt Nam	Ống	3	506,00	HP035	150.000	2.100		YHB	147.900
2	G0343	MAXXNE URO 75	Pregabalin	75mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, viên nang cứng, Uống	36 tháng	VD-23510-15	Công ty CPDP Ampharco U.S.A - Việt Nam	Viên	3	1.638,00	HP011	50.000	3.000		YHB	47.000
3	G1028	Vinphyton	Phytomenadion (vitamin K1)	1mg/1ml	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1 ml dung dịch tiêm	24 tháng	VD-16307-12	Vinphaco - Việt Nam	Ống	3	1.450,00	HP145	12.500	120		YHB	12.380
4	G1496	Maltagit	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd khô	2,5g + 0,5g	Hộp 30 gói x 3,3g thuốc bột pha hỗn dịch, Uống	36	VD-26824-17	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Gói	3	2.079,00	HP104	173.400	13.400		Hồng Bàng	160.000
5	G1588	Vincomid	Metoclopramid HCl	10mg/2ml	Hộp 10 ống x 2ml dung dịch tiêm	36 tháng	VD-21919-14	CTCPDP Vinh Phúc - Việt Nam	Ống	3	1.410,00	HP047	7.150	1.200		YHB	5.950
6	G1642	Sathorn	Sorbitol + natri citrat	(5g + 0,72g)/10g	Hộp 10 tuýp 10 gam. Gel thực trực tràng, Thực trực tràng	36 tháng	VD-22622-15	Công ty CPTD Merap - Việt Nam	Tuýp	3	15.500,00	HP120	12.500	450		YHB	12.050
7	G2057	Zensalbu nebulas 2.5	Salbutamol	1mg/1ml - 2,5ml	Hộp 10 ống x 2,5ml, Dung dịch, Khí dung	24	VD-21553-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	4.410,00	HP017	12.500	600		YHB	11.900

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1707	Liverton 140	Silymarin	140mg	Hộp 10 vi x 10 viên nang cứng - Uống	36 tháng	VD-15890-11	CTCP Pymepharco - Việt Nam	Viên	3	1.680,00	HP057	0		25.000	Lao	25.000
2	G1709	Fynkhepar Tablets	Silymarin	200mg	Hộp 10 vi*10 viên, Viên nén bao phim/ Uống	36 tháng	VN-7559-09	M/s FYNK Pharmaceutic als, Pakistan	Viên	5	3.800,00	HP059	150.000		15.000	Lao	165.000

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa quận Hải An

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1322	Hypravas 20	Pravastatin natri	20mg	Hộp 06 vỉ x 10 viên nén, uống	36	VD-23585-15	Công ty CPDP Medisun/Việt Nam	Viên	3	3.486,00	HP104	50.000		20.000	Cát Bà	70.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2423~~ **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0003	Bupivacaine WPW Spinal 0,5% Heavy	Bupivacain hydroclorid	5mg/ml - 4ml	Hộp 1 vi x 5 ống, dung dịch tiêm	24	VN-13843-11	Warsaw - Ba Lan	Lọ/Ống	1	37,600.00	HP037	12,000	250		Thủy Nguyên	11,750
2	G0744	VIGAMOX	Moxifloxacin	0,5%	Hộp 1 lọ 5ml, Dung dịch nhỏ mắt, Nhỏ mắt	24 tháng	VN-15707-12	Alcon Laboratories, Inc.-Mỹ	Lọ	1	90,000.00	HP119	1,500		350	Công An	1,850
3	G1034	BFS- Tranexamic 500mg/10ml	Tranexamic acid	50mg/ml - 10ml	Hộp 4 vi x 5 ống x 10ml, dung dịch, Tiêm	36	VD-24750-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	14,000.00	HP017	24,000	6,000		Kiến An	18,000
4	G1062	Nanokine 2000IU	Erythropoietin	2.000IU	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm 1ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	24 tháng	QLSP-920-16	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược Nanogen-Việt Nam	Lọ	3	145,400.00	HP084	4,000		3,000	Ngô Quyền	7,000

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
5	G1067	Nanokine 4000IU	Erythropoietin	4000IU	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm 1ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	24 tháng	QLSP-919-16	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược Nanogen-Việt Nam	Lọ	3	312,000.00	HP084	4,000		3,000	Ngô Quyền	7,000
6	G1244	Lactate Ringer	Ringer lactat	500ml	Thùng 20 chai nhựa 500ml, Dung dịch, Tiêm truyền	36 tháng	VD-16087-11	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar - Việt Nam	Chai	3	12,492.00	HP055	250,000	700		Phụ Sản	249,300
7	G1282	Aspirin - 100	Acid Acetylsalicylic	100mg	Hộp 3 vỉ * 10 viên, Viên bao tan trong ruột, Uống	24 tháng	VD-20058-13	Traphaco - Việt Nam	Viên	Nhóm 3	450.00	HP072	235,000		10,000	Quốc Tế	245,000
8	G2060	Salbutamol	Salbutamol	0.5mg/1ml	Hộp 10 ống, Dung dịch thuốc tiêm	36 tháng	VN-16083-12	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A., Ba lan	ống	1	12,000.00	HP106	221,200	5,000		Kiến An	216,200
9	G2178	Glucose 5%	Glucose	5% - 500ml	Thùng 20 chai nhựa 500ml, Dung dịch, Tiêm truyền	36 tháng	VD-16339-12	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar - Việt Nam	Chai	3	10,500.00	HP055	165,000	3,000		Phụ Sản	162,000
10	G1028	Vinphyton	Phytomenadion (vitamin K1)	1mg/1ml	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1 ml dung dịch tiêm	24 tháng	VD-16307-12	Vinphaco-Việt Nam	Ống	3	1,450.00	HP145	30,000	300		Phụ Sản	29,700

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423** /SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1255	Telzid 40/12.5	Telmisartan + Hydrochlorothiazid	40mg + 12,5mg	Hộp 06 vi x 10 viên nén, uống	36	VD-23592-15	Công ty CPDP Medisun/Việt Nam	Viên	3	2.982,00	HP104	200.000	10.000		Đỗ Sơn	190.000
2	G1490	Domever 25mg	Spironolacton	25mg	Hộp 2 vi, 10 vi x 10 VNE, Viên nén, Uống	36 tháng	VD-24987-16	DOMESCO - Việt Nam	Viên	3	825,00	HP074	57.000	7.000		Thủy Nguyên	50.000
3	G1496	Maltagit	Attapulgit morniron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd khô	2,5g + 0,5g	Hộp 30 gói x 3,3g thuốc bột pha hỗn dịch, Uống	36	VD-26824-17	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Gói	3	2.079,00	HP104	100.000	26.000		YHB	74.000
4	G2178	Glucose 5%	Glucose	5% - 500ml	Thùng 20 chai nhựa 500ml, Dung dịch, Tiêm truyền	36 tháng	VD-16339-12	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar - Việt Nam	Chai	3	10.500,00	HP055	27.000	400		YHB	26.600
5	G2373	Merika Probiotics	Bacillus subtilis + Lactobacillus acidophilus	100 triệu CFU + 500 triệu CFU	Hộp 20 gói x 1g, Bột pha, Uống	24 tháng	QLSP-0808-14	Cty TNHH MTV Vắc Xin Pasteur Đà Lạt - Việt Nam	Gói	3	2.200,00	HP120	250.000	3.000		YHB	247.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423** /SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế huyện An Dương

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1203	Domepa 250mg	Methyldopa	250mg	Hộp 10vi x 10 VBF, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VD-24485-16	DOMESCO - Việt Nam	Viên	3	610,00	HP074	1.560		500	Hồng Bàng	2.060
2	G2165	BFS-Calciclorid	Calci clorid	100mg/1ml - 5ml	Hộp 10 vi. Vi 5 ống x 5ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	24	VD-22023-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	1.008,00	HP037	390		100	Hồng Bàng	490

Chữ ký

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423** /SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế Kiến An

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1531	Kagastine	Omeprazol	20mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang bao tan trong ruột, uống	36 tháng	VD-16386-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	133,00	HP022	25.000	4.000		TTYT Dương Kinh	21.000
2	G2214	Nước cất tiêm 5ml	Nước cất pha tiêm	5ml	Hộp 50 ống x 5ml nước cất pha tiêm	36	VD-19557-13	Thephaco-Việt Nam	Ống	3	515,00	HP054	60.000	5.100		TTYT Dương Kinh	54.900
3	G0026	Lidocain 40mg/ 2ml	Lidocain hydroclorid	2% - 2ml	Hộp 100 ống 2ml, dung dịch tiêm, tiêm	36 tháng	VD-23600-15	CTCPDP Minh Dân-Việt Nam	Ống	3	438,00	HP143	60.000	10.000		Lê Chân	50.000

(Chữ ký)

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423** /SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa Cát Bà

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1322	Hypravas 20	Pravastatin natri	20mg	Hộp 06 vỉ x 10 viên nén, uống	36	VD-23585-15	Công ty CPDP Medisun/Việt Nam	Viên	3	3.486,00	HP104	60.000	20.000		Hải An	40.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423** /SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa Quốc tế

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1282	Aspirin - 100	Acid Acetylsalicylic	100mg	Hộp 3 vỉ * 10 viên, Viên bao tan trong ruột, Uống	24 tháng	VD-20058-13	Traphaco - Việt Nam	Viên	Nhóm 3	450,00	HP072	370.500	10.000		Việt Tiệp	360.500

Handwritten signature/initials

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423** /SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Công An

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0033	Morphin HCl 0.01g - 1ml	Morphin (hydroclorid)	10mg/ml	Hộp 5 vi x 5 ống, dung dịch tiêm, tiêm	36	VD-24315-16	CN Vidipha - Việt Nam	Ông	3	3.990,00	HP037	0		200	YHB	200
2	G0744	VIGAMOX	Moxifloxacin	0,5%	Hộp 1 lọ 5ml, Dung dịch nhỏ mắt, Nhỏ mắt	24 tháng	VN-15707-12	Alcon Laboratories, Inc.-Mỹ	Lọ	1	90.000,00	HP119	550	350		Việt Tiệp	200
3	G1861	Glucofast 500	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 4 vi * 15 viên, viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD-16435-12	Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế - Việt Nam	Viên	3	170,00	HP137	87.000		26.000	YHB	113.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Kiến An

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0031	Midanium 5mg/1ml	Midazolam	5mg/ml	Hộp 2 vi x 5 ống, dung dịch tiêm, tiêm	36	VN-13844-11	Warsaw - Ba Lan	Ống	1	17.325,00	HP037	16.000	100		Lao	15.900
2	G1034	BFS- Tranexamic 500mg/10ml	Tranexamic acid	50mg/1 ml - 10ml	Hộp 4 vi x 5 ống x 10ml, dung dịch, Tiêm	36	VD-24750-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	14.000,00	HP017	6.000		6.000	Việt Tiệp	12.000
3	G1926	Sciomir	Thiocolchic oside	4mg/2ml	Hộp 6 ống 2ml, dung dịch tiêm, tiêm	36 tháng	VN-16109-13	Laboratorio Farmaceutico C.T.s.r.l. - Italy	ống	1	31.500,00	HP145	17.700	500		Y Học Biển	17.200
4	G1981	Hemotocin	Carbetocin	100 mcg/ml	Hộp 10 lọ x 1ml, Dung dịch, Tiêm	24	VD-26774-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	346.000,00	HP017	960	40		Thủy Nguyên	920
5	G2060	Salbutamol	Salbutamol	0.5mg/1 ml	Hộp 10 ống, Dung dịch thuốc tiêm	36 tháng	VN-16083-12	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A., Ba lan	ống	1	12.000,00	HP106	18.700		5.000	Việt Tiệp	23.700

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423** /SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế quận Dương Kinh

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1531	Kagastine	Omeprazol	20mg	Hộp 10 vi x 10 viên nang bao tan trong ruột, uống	36 tháng	VD-16386-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	133,00	HP022	5.000		4.000	TTYT Kiến An	9.000
2	G2214	Nước cất tiêm 5ml	Nước cất pha tiêm	5ml	Hộp 50 ống x 5ml nước cất pha tiêm	36	VD-19557-13	Thephaco-Việt Nam	Ống	3	515,00	HP054	10.000		5.100	TTYT Kiến An	15.100

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Trẻ Em

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1414	Piracetam	Piracetam	400mg	Hộp 10 vi x 10 viên nang, uống	36 tháng	VD-16393-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	200,00	HP022	180.000		13.000	Kiến Thụy	193.000

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423** /SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa quận Ngô Quyền

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1062	Nanokine 2000IU	Erythropoietin	2.000IU	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm 1ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	24 tháng	QLSP-920-16	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược Nanogen-Việt Nam	Lọ	3	145.400,00	HP084	6.000	3.000		Việt Tiệp	3.000
2	G1067	Nanokine 4000IU	Erythropoietin	4000IU	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm 1ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	24 tháng	QLSP-919-16	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược Nanogen-Việt Nam	Lọ	3	312.000,00	HP084	8.000	3.000		Việt Tiệp	5.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423** /SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1203	Domepa 250mg	Methyldopa	250mg	Hộp 10vi x 10 VBF, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VD-24485-16	DOMESCO - Việt Nam	Viên	3	610,00	HP074	250.000	500		An Dương	249.500
2	G1496	Maltagit	Attapulgit mornnoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd khô	2,5g + 0,5g	Hộp 30 gói x 3,3g thuốc bột pha hỗn dịch, Uống	36	VD-26824-17	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Gói	3	2.079,00	HP104	122.600		13.400	YHHQ	136.000
3	G1573	Tanganil 500mg	Acetyl leucin	500mg/5 ml	Hộp 5 ống x 5ml, Dung dịch tiêm tĩnh mạch, Tiêm tĩnh mạch	60 tháng	VN-18066-14	Pierre Fabre Medicament production - Pháp	Ống	1	13.698,00	HP122	17.000	1.500		Thủy Nguyên	15.500
4	G1574	Atileucine inj	Acetyl leucine	500mg/ 5ml	Tiêm, Dung dịch tiêm. Hộp 5 ống. 10 ống, 20 ống.	24 tháng	VD-25645-16	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Ống	3	11.500,00	HP052	17.000	500		Thủy Nguyên	16.500
5	G2165	BFS-Calciclorid	Calci clorid	100mg/1 ml - 5ml	Hộp 10 vi. Vi 5 ống x 5ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	24	VD-22023-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	1.008,00	HP037	1.000	100		An Dương	900

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423** /SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1255	Telzid 40/12.5	Telmisartan + Hydrochlorothiazid	40mg + 12,5mg	Hộp 06 vỉ x 10 viên nén, uống	36	VD-23592-15	Công ty CPDP Medisun/Việt Nam	Viên	3	2.982,00	HP104	20.000		10.000	ĐHY	30.000
2	G2000	Seduxen 5mg	Diazepam	5mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nén, uống	60	VN-19162-15	Gedeon Richter - Hungary	Viên	1	607,00	HP037	10.000		420	Lao	10.420

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423** /SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Viện Y học Biển

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0033	Morphin HCl 0.01g - 1ml	Morphin (hydroclorid)	10mg/ml	Hộp 5 vi x 5 ống, dung dịch tiêm, tiêm	36	VD-24315-16	CN Vidipha - Việt Nam	Ống	3	3.990,00	HP037	1.120	200		Công An	920
2	G0260	Dimedrol	Diphenhydramin HCL	10mg/ml	Hộp 100 ống x 1ml; Dung dịch thuốc tiêm	24	VD-20839-14	Dopharma - Việt Nam	Ống	3	506,00	HP035	18.000		2.100	YHHQ	20.100
3	G0343	MAXXNEU RO 75	Pregabalin	75mg	Hộp 3 vi x 10 viên, viên nang cứng, Uống	36 tháng	VD-23510-15	Công ty CPDP Ampharco U.S.A - Việt Nam	Viên	3	1.638,00	HP011	14.000		3.000	YHHQ	17.000
4	G1028	Vinphyton	Phytomenadion (vitamin K1)	1mg/ 1ml	Hộp 5 vi x 10 ống x 1 ml dung dịch tiêm	24 tháng	VD-16307-12	Vinphaco-Việt Nam	Ống	3	1.450,00	HP145	400		120	YHHQ	520
5	G1496	Maltagit	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd khô	2,5g + 0,5g	Hộp 30 gói x 3,3g thuốc bột pha hỗn dịch, Uống	36	VD-26824-17	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Gói	3	2.079,00	HP104	80.000		26.000	ĐHY	106.000

Chữ ký

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
6	G1588	Vincomid	Metoclopramid HCl	10mg/2 ml	Hộp 10 ống x 2ml dung dịch tiêm	36 tháng	VD-21919-14	CTCPDP Vĩnh Phúc - Việt Nam	Ống	3	1.410,00	HP047	2.200		1.200	YHHQ	3.400
7	G1642	Sathom	Sorbitol + natri citrat	(5g + 0,72g)/10g	Hộp 10 tuýp 10 gam, Gel thực trực tràng, Thụt trực tràng	36 tháng	VD-22622-15	Công ty CPTĐ Merap - Việt Nam	Tuýp	3	15.500,00	HP120	3.000		450	YHHQ	3.450
8	G1861	Glucofast 500	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 4 vi * 15 viên, viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD-16435-12	Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế - Việt Nam	Viên	3	170,00	HP137	245.000	26.000		Công An	219.000
9	G1926	Sciomir	Thiocolchicoside	4mg/2ml	Hộp 6 ống 2ml, dung dịch tiêm, tiêm	36 tháng	VN-16109-13	Laboratorio Farmaceutico C.T.s.r.l. - Italy	ống	1	31.500,00	HP145	2.300		500	Kiến An	2.800
10	G2057	Zensalbu nebulas 2.5	Salbutamol	1mg/1ml - 2,5ml	Hộp 10 ống x 2,5ml, Dung dịch, Khí dung	24	VD-21553-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	4.410,00	HP017	1.300		600	YHHQ	1.900
11	G2178	Glucose 5%	Glucose	5% - 500ml	Thùng 20 chai nhựa 500ml, Dung dịch, Tiêm truyền	36 tháng	VD-16339-12	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar - Việt Nam	Chai	3	10.500,00	HP055	7.300		400	ĐHY	7.700
12	G2373	Merika Probiotics	Bacillus subtilis + Lactobacillus acidophilus	100 triệu CFU + 500 triệu CFU	Hộp 20 gói x 1g, Bột pha, Uống	24 tháng	QLSP-0808-14	Cty TNHH MTV Vắc Xin Pasteur Đà Lạt - Việt Nam	Gói	3	2.200,00	HP120	30.000		3.000	ĐHY	33.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423** /SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế quận Lê Chân

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0026	Lidocain 40mg/ 2ml	Lidocain hydroclorid	2% - 2ml	Hộp 100 ống 2ml, dung dịch tiêm, tiêm	36 tháng	VD-23600-15	CTCPDP Minh Dân-Việt Nam	Ống	3	438,00	HP143	21.100		10.000	TTYT Kiến An	31.100

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Kiến An

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G2177	Glucose 5%	Glucose	5% - 500ml	Hộp 20 chai, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-28252-17	Fresenius Kabi Việt Nam	Chai	2	9.450,00	GB07	171.700	16.000		Việt Tiệp	155.700

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh Viện Hữu Nghị Việt Tiệp

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G2177	Glucose 5%	Glucose	5% - 500ml	Hộp 20 chai, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-28252-17	Fresenius Kabi Việt Nam	Chai	2	9.450,00	GB07	0		16.000	Kiến An	16.000

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423** /SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: **Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng**

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD335	Lipofundin MCT/LCT 20%	Nhũ dịch lipid	20% - 100ml	Hộp 10 chai, nhũ trong tiêm truyền	24	VN-16131-13	B.Braun - Đức	chai	142.800,00	KN04	940	20		Trẻ Em	920

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Trẻ Em

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD335	Lipofundin MCT/LCT 20%	Nhũ dịch lipid	20% - 100ml	Hộp 10 chai, nhũ tương tiêm truyền	24	VN-16131-13	B.Braun - Đức	chai	142.800,00	KN04	0		20	ĐHY	20

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện Thủy Nguyên

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD251	Symbicort Turbuhaler	Budesonide + Formoterol fumarat dihydrat	(160mcg+4,5mcg)/liều - 60 liều	Hộp chứa 1 ống hít 60 liều, Bột dùng để hít, Hít	24 tháng	VN-12852-11	AstraZeneca AB-Thụy Điển	Ống	286.440,00	KN08	1.045		190	Hồng Đức	1.235

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: **Bệnh viện Hồng Đức**

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD251	Symbicort Turbuhaler	Budesonide + Formoterol fumarat dihydrat	(160mcg+4,5mcg)/liều - 60 liều	Hộp chứa 1 ống hít 60 liều, Bột dùng để hít, Hít	24 tháng	VN-12852-11	AstraZeneca AB-Thụy Điển	Ống	286440	KN08	4.955	190		Thùy Nguyên	4.765

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2423 /SYT-TTKN ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Phụ Sản

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD239	NO-SPA 40mg/2ml	Drotaverin e hydrochloride	40mg/ 2ml	Hộp 25 ống 2ml, Dung dịch tiêm, tiêm (IM & IV)	60 tháng	VN-14353-11	Chinoin Pharmaceutical & Chemical Works Private Co.,Ltd.- Hungary	Ống	5.306,00	KN08	20.000		9.000	YHHQ	29.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Viện Y Học Hải Quân

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD239	NO-SPA 40mg/2ml	Drotaverine hydrochloride	40mg/ 2ml	Hộp 25 ống 2ml, Dung dịch tiêm, tiêm (IM & IV)	60 tháng	VN-14353-11	Chinoi Pharmaceutica l & Chemical Works Private Co.,Ltd.- Hungary	Ống	5.306,00	KN08	25.000	9.000		Phụ Sản	16.000

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu (gồm 246 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2423/SYT-TTKN ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế quận Hồng Bàng

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	CT135	Thiên sư hộ tâm đan	Đan sâm, Tam thất, Borneol	43,56mg +8,52 mg + 1 mg	Hộp 2 lọ 100 viên, Uống, viên hoàn giọt	48 tháng	VN-20102-16	Tasly Pharmaceutical Group Co., Ltd.	Viên	490,00	ĐY11	300.000		112.000	Thủy Nguyên	412.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc được liệu (gồm 246 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc được liệu năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện Thủy Nguyên

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	CT135	Thiên sư hộ tâm đan	Đan sâm, Tam thất, Borneol	43,56mg +8,52 mg ÷ 1 mg	Hộp 2 lọ 100 viên, Uống, viên hoàn giọt	48 tháng	VN-20102-16	Tasly Pharmaceutical Group Co., Ltd.	Viên	490,00	ĐY11	3.000.000	112.000		Hồng Bàng	2.888.000

(Chữ ký)

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 697 vị thuốc)

Dự án: Mua sắm vị thuốc cổ truyền cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế quận Dương Kinh

STT	Mã HSMT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Nguồn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng được liệu đầu vào	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Phân nhóm kỹ thuật	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/ nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	VT022	Cát căn	Radix Puerariae thomsonii	Pueraria thomsonii Benth. - Fabaceae	N	TCCS(*)	SC	1		Kg	82000	C03	0,00		5,00	Hồng Bàng	5,00
2	VT053	Độc hoạt	Radix Angelicae pubescentis	Angelica pubescens Maxim. - Apiaceae	B	ĐĐVN IV	SC	1	414/YDCT-QLD 99/2017-DLVN 6924/BYT-OLD	Kg	376.950,00	C08	2,00		10,00	Hồng Bàng	12,00
3	VT061	Khương hoạt	Rhizoma et Radix Notopterygii	Notopterygium incisum C. Ting ex H. T. Chang - Apiaceae	B	ĐĐVN IV	SC	1	06012018/01/NKDL-Tppharmar	Kg	1.680.000,00	C02	2,00		10,00	Hồng Bàng	12,00
4	VT585	Hà thủ ô đỏ	Radix Fallopiac multiflorae	Radix Fallopiac multiflorae	B	ĐĐVN IV	PC (theo PP chế biến hà thủ ô đỏ trong TT30/2017/TT-BYT)	2	433/YDCT-QLD	Kg	152.300,00	C07	0,75		3,00	Hồng Bàng	3,75

STT	Mã HSMT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Nguồn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng dược liệu đầu vào	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Phân nhóm kỹ thuật	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/ nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
5	VT587	Long nhãn	Arillus Longan	Dimocarpus longan Lour. - Sapindaceae	N	ĐĐVN IV	SC	1		Kg	333.200,00	C09	9,00		5,00	Hồng Bàng	14,00
6	VT622	Ba kích	Radix Morindae officinalis	Morinda officinalis How. - Rubiaceae	N	ĐĐVN IV	PC (PP chích rượu)	2		Kg	860.000,00	C02	3,00		2,00	Hồng Bàng	5,00
7	VT636	Cốt toái bồ	Rhizoma Drynariae	Drynaria fortunei (Kuntze ex Mett.) J. Sm.. - Polypodiaceae	N	ĐĐVN IV	SC	2		Kg	166.950,00	C08	6,00		5,00	Hồng Bàng	11,00
8	VT667	Cam thảo	Radix Glycyrrhizae	Glycyrrhiza spp. - Fabaceae	B	ĐĐVN IV	SC	1	Số 131/BYT-YDCT	Kg	302.400,00	C09	2,00		5,00	Hồng Bàng	7,00

(Signature)

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 697 vị thuốc)

Dự án: Mua sắm vị thuốc cổ truyền cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2423**/SYT-TTKN ngày **11** tháng **9** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Quận Hồng Bàng

STT	Mã HSMT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Nguồn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng được liệu đầu vào	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Phân nhóm kỹ thuật	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/ nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	VT022	Cát căn	Radix Puerariae thomsonii	Pueraria thomsonii Benth. - Fabaceae	N	TCCS(*)	SC	1		Kg	82.000,00	C03	37,50	5,00		TTYT Dương Kinh	32,50
2	VT053	Độc hoạt	Radix Angelicae pubescentis	Angelica pubescens Maxim. - Apiaceae	B	ĐBVN IV	SC	1	414/YDCT-QLD 99/2017-DLVN 6924/BYT-QLD	Kg	376.950,00	C08	36,50	10,00		TTYT Dương Kinh	26,50
3	VT061	Khuông hoạt	Rhizoma et Radix Notopterygii	Notopterygium incisum C. Ting ex H. T. Chang - Apiaceae	B	ĐBVN IV	SC	1	06012018/01/NKDL-Tppharmar	Kg	1.680.000,00	C02	110,50	10,00		TTYT Dương Kinh	100,50
4	VT585	Hà thủ ô đỏ	Radix Fallopieae multiflorae	Radix Fallopieae multiflorae	B	DDVN IV	PC (theo PP chế biến hà thủ ô đỏ trong TT30/20)	2	433/YDCT-QLD	Kg	152.300,00	C07	37,50	3,00		TTYT Dương Kinh	34,50
5	VT587	Long nhãn	Arillus Longan	Dimocarpus longan Lour. - Sapindaceae	N	ĐBVN IV	SC	1		Kg	333.200,00	C09	205,00	5,00		TTYT Dương Kinh	200,00

STT	Mã HSMT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Nguồn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng được liệu đầu vào	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Phân nhóm kỹ thuật	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/ nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
6	VT622	Ba kích	Radix Morindae officinalis	Morinda officinalis How. - Rubiaceae	N	ĐBVN IV	PC (PP chích rượu)	2		Kg	860.000,00	C02	30,00	2,00		TTYT Dương Kinh	28,00
7	VT636	Cốt toái bồ	Rhizoma Drynariae	Drynaria fortunei (Kuntze ex Mett.) J. Sm. - Polypodiaceae	N	ĐBVN IV	SC	2		Kg	166.950,00	C08	37,50	5,00		TTYT Dương Kinh	32,50
8	VT667	Cam thảo	Radix Glycyrrhizae	Glycyrrhiza spp. - Fabaceae	B	ĐBVN IV	SC	1	Số 131/BYT-YDCT	Kg	302.400,00	C09	36,50	5,00		TTYT Dương Kinh	31,50

Handwritten signature